

Số: 525/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.382
đoạn Km19+750 – Km26+550 (từ giao với ĐT.382B đến giao với ĐT.378)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về
quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 474/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5
năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên; phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân
sách cấp tỉnh năm 2023;

Thực hiện Kết luận số 818-KL/TU ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ban
Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 về chủ trương đầu tư dự
án cải tạo, nâng cấp ĐT.382 đoạn Km19+750 – Km26+550 (từ giao với ĐT.382B
đến giao với ĐT.378);

Xét Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư cải tạo, nâng cấp ĐT.382 đoạn
Km19+750 - Km26+550 (từ giao với ĐT.382B đến giao với ĐT.378); Báo cáo
thẩm tra số 986/BC-KTNS ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.382 đoạn
Km19+750 – Km26+550 (từ giao với ĐT.382B đến giao với ĐT.378).

1. Tên dự án: cải tạo, nâng cấp ĐT.382 đoạn Km19+750 – Km26+550 (từ
giao với ĐT.382B đến giao với ĐT.378).

2. Nhóm dự án: dự án nhóm B.
3. Cấp Quyết định chủ trương đầu tư: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.
4. Cấp Quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.
5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông – xây dựng.
6. Địa điểm xây dựng: huyện Yên Mỹ và huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 622.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng: 256.517 triệu đồng.
- Chi phí xây dựng: 221.000 triệu đồng.
- Chi phí quản lý, tư vấn, chi phí khác: 18.654 triệu đồng.
- Chi phí dự phòng: 125.829 triệu đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: ngân sách tỉnh.
9. Thời gian thực hiện dự án: năm 2024-2026.
10. Hình thức đầu tư của dự án: cải tạo, nâng cấp.

11. Mục tiêu, quy mô dự án

11.1. Mục tiêu đầu tư: đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm đảm bảo giao thông đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân, tăng cường kết nối giữa các trục giao thông quan trọng của địa phương, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông của huyện theo quy hoạch được duyệt, đồng thời tạo thuận lợi trong việc thu hút đầu tư trên địa bàn các huyện Yên Mỹ, Khoái Châu góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của tỉnh.

11.2. Quy mô đầu tư dự án

a) Bình đồ tuyến: điểm đầu tuyến tại Km19+750 (giao với ĐT.382B); điểm cuối tuyến tại Km26+550 (giao với ĐT.378). Chiều dài tuyến khoảng 6,8 Km.

b) Trắc dọc tuyến: trên cơ sở cao độ mặt đường cũ, các điểm khống chế đầu tuyến, cuối tuyến, thiết kế tuân thủ theo tiêu chuẩn hiện hành, cao độ đường đò thiết kế phù hợp với quy hoạch và các công trình hiện trạng, đảm bảo chiều dày kết cấu và độ êm thuận trên toàn tuyến.

c) Trắc ngang tuyến

* Đoạn tuyến ngoài khu dân cư:

- Chiều rộng mặt đường $B_m = 7,0$ m;
- Chiều rộng lề gia cố $B_{lgc} = 2 \times 2,0\text{m} = 4,0$ m (lề gia cố có kết cấu như kết cấu mặt đường);
- Chiều rộng lề đất $B_{ld} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0$ m;

- Chiều rộng nền đường $B_n = 12,0$ m.

* Đoạn tuyến qua khu dân cư:

- Chiều rộng mặt đường $B_m = 7,0$ m;

- Chiều rộng lề gia cố $B_{lgc} = 2 \times 2,0\text{m} = 4,0$ m (lề gia cố có kết cấu như kết cấu mặt đường);

- Chiều rộng rãnh thoát nước dọc $B_r = 2 \times 1,0\text{m} = 2,0$ m;

- Bó vỉa, đan rãnh thu nước $B_{bv+đr} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0$ m;

- Chiều rộng nền đường $B_n = 14,0$ m.

d) Kết cấu mặt đường: mặt đường bê tông nhựa chặt.

đ) Hệ thống thoát nước

- Thoát nước dọc: đoạn qua khu dân cư bố trí rãnh thoát nước dọc thu nước mặt đường; đoạn ngoài khu dân cư thoát nước tự nhiên.

- Thoát nước ngang: xây dựng hệ thống thoát nước ngang đảm bảo phù hợp với quy hoạch và quy mô cấp đường.

e) Cầu Từ Hồ 2: thiết kế mở rộng mặt cầu đảm bảo chiều rộng mặt cầu $B_{mc} = 12,0$ m.

g) Công trình khác: thiết kế kè gia cố mái taluy đảm bảo ổn định nền đường tại những vị trí đắp qua ao, mương sâu.

h) Hệ thống điện chiếu sáng: thiết kế hệ thống điện chiếu sáng theo quy trình, quy phạm pháp luật hiện hành.

i) Hệ thống an toàn giao thông: theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định đầu tư dự án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Kết luận số 818-KL/TU ngày 04/12/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

b) Chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện khảo sát, thẩm định kỹ lưỡng dự án; đánh giá đúng hiện trạng và xây dựng quy mô dự án phù hợp với suất đầu tư, tổng mức đầu tư đảm bảo theo quy định của pháp luật; phù hợp với quy hoạch và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng; phương án thiết kế đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định của pháp luật. Dự kiến nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn để bố trí vốn trên cơ sở tổng mức đầu tư và đảm bảo hoàn thành dự án theo thời gian quy định đối với dự án nhóm B, tránh phát sinh nợ đọng kéo dài, làm giảm hiệu quả đầu tư dự án.

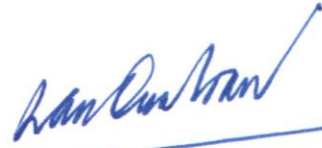
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII, Kỳ họp thứ Hai mươi ba nhất trí thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBNDTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Công TTĐT đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{VA}.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toản